TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **96**/2019/DS-ST
Ngày 21 tháng 10 năm 2019
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

Các Hội thẩm nhân nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hơn.

2. Ông Lê Văn Kiệt.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Tuấn Tín - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 21 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 313/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng N**;

Địa chỉ: Số 18, đường T, huyện T, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K, Chức vụ: chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh Tiền Giang (Theo quyết định ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014).

(Ông Nguyễn Văn H ủy quyền cho ông Nguyễn Minh M theo giấy ủy quyền ngày 29/7/2019)

2. Bị đơn: Ông **Trần Ngọc T**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số 115/4 đường L, phường S, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang.

(Có mặt anh M, vắng mặt ông T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 08/7/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Nguyễn Minh M trình bày:

Ngân hàng N – Chi nhánh Tiền Giang có ký với ông Trần Ngọc T hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng số 6900-LAV- 201401099 ngày 05/6/2014. Số tiền vay là 30.000.000 đồng. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 05/6/2014 đến ngày 05/6/2019, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 11,5%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay đã thỏa thuận. Mục đích vay là mua vật dụng sinh hoạt gia đình (bộ bàn ghế cây, tủ thờ). Hình thức bảo đảm là tín chấp. Hợp đồng thỏa thuận trả tiền gốc 06 tháng một lần là 3.000.000 đồng, phương thức trả là trích thu nhập, phương thức trả lãi theo kì trả nợ gốc. Ông T đã trả tiền gốc được 17.043.921 đồng, đã trả tiền lãi là 9.038.000 đồng. Ông T trả gốc lãi đến 24/01/2018 thì ngưng. Đến ngày 30/6/2019, ông T còn nợ số tiền nợ gốc là 12.956.079 đồng, số tiền lãi là 3.126.760đồng, tổng cộng là 16.082.839 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, đôn đốc yêu cầu ông T thanh toán nợ cho Ngân hàng nhưng đến nay ông T vẫn chưa thanh toán tiền vay, tiền lãi cho ngân hàng.

Do đó, Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu ông T trả cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc là 12.956.079 đồng, số tiền lãi là 3.126.760 đồng, tổng cộng là 16.082.839 đồng (tạm tính đến ngày 30/6/2019). Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn ông Trần Ngọc T đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, ông Nguyễn Minh M trình bày: Yêu cầu ông Trần Ngọc T trả cho Ngân hàng N số tiền vốn vay còn nợ là 12.956.079 đồng và số tiền lãi trong hạn còn nợ là 2.779.523 đồng, lãi quá hạn là 1.099.311 đồng, tổng cộng là 16.834.913 đồng (tạm tính đến ngày 21/10/2019).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn Ngân hàng N căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 6900-LVA-201401099 ngày 05/6/2014 để khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền vốn vay còn nợ là 12.956.079 đồng, số tiền lãi trong hạn còn nợ là 2.779.523 đồng, lãi quá hạn là 1.099.311 đồng, tổng cộng là 16.834.913 đồng (tạm tính đến ngày 21/10/2019). Ông T vay tiền với mục đích mua vật dụng sinh hoạt gia đình (bộ bàn ghế cây, tủ thờ). Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 16 Điều 4, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết*: Bị đơn ông Trần Ngọc T cư trú tại số 115/4, Lê Thị Hồng Gấm, phường 6, Tp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

[3] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông Trần Ngọc T đến Tòa án nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do. Hội

đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với ông Trần Ngọc T.

[4] *Về yêu cầu của đương sự*: Xét hợp đồng tín dụng số 6900-LVA-201401099 ngày 05/6/2014 giữa Ngân hàng N – Chi nhánh Tiền Giang và ông Trần Ngọc T là hợp đồng vay có kỳ hạn, nội dung hợp đồng thể hiện số tiền vay là 30.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 60 tháng. Mục đích vay là mua vật dụng sinh hoạt gia đình (bộ bàn ghế cây, tủ thờ). Hợp đồng thỏa thuận trả tiền gốc 06 tháng một lần, trả lãi theo kì trả nợ gốc, ông T trả gốc lãi đến 24/01/2018 thì ngưng. Ngân hàng có nhiều lần đốc thúc ông T trả tiền, nhưng ông T không thực hiện mà cố tình né tránh nghĩa vụ trả nợ. Như vậy ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ của bên vay tài sản, trả đủ tiền khi đến hạn, là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên ngày 23/7/2019 Ngân hàng đã nộp đơn khởi kiện.

Đến ngày 21/10/2019, số tiền vốn vay còn nợ là 12.956.079 đồng và số tiền lãi trong hạn còn nợ là 2.779.523 đồng, lãi quá hạn là 1.099.311 đồng, tổng cộng là 16.834.913 đồng.

Căn cứ Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì ông Trần Ngọc T phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, chứng minh, đối chất số tiền đã vay, hoặc cung cấp chứng cứ đã thanh toán tiền cho Ngân hàng. Tuy nhiên, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, ông Thạch không đến Tòa án cung cấp chứng cứ, đối chất về số tiền đã vay, đã thanh toán. Do đó, căn cứ vào lời khai và chứng cứ là hợp đồng tín dụng số 6900-LVA-201401099 ngày 05/6/2014 có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng theo quy định tại các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thong qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

[6] *Về án phí*: Ông Trần Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 4, Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

2. Buộc ông Trần Ngọc T phải thanh toán cho Ngân hàng N số tiền vốn vay còn nợ là 12.956.079 đồng, số tiền lãi trong hạn còn nợ là 2.779.523 đồng và số tiền lãi quá hạn là 1.099.311 đồng, tổng cộng là 16.834.913 (*mười sáu triệu tám trăm ba mươi bốn ngàn chín trăm mười ba*) đồng (tạm tính đến ngày 21/10/2019).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

3. Về án phí: Ông Trần Ngọc T phải chịu 841.746 đồng (*tám trăm bốn mươi mốt ngàn bảy trăm bốn mươi sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch.

Hoàn lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 402.000 (*bốn trăm lẻ hai)* đồng theo biên lai thu tiền số 0000162 ngày 23/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng N có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Trần Ngọc Thạch có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Huyền Ni